

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:51/2018/HNGĐ-ST

Ngày:18/4/2018

V/v *Tranh chấp:*

“ Xin ly hôn ”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Hoa***
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Bà **Nguyễn Thị Ba.**
 - + Bà **Lê Thị Minh Thắm.**

*Thư ký phiên tòa bà **Nguyễn Thị Huyền Ni** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Thanh Ngọc**- kiểm sát viên.*

Ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình đã thụ lý số: 57/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/01/2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXX-ST ngày 16/3/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐHPT ngày 02/4/2018 giữa các đương sự:

1/ **Nguyên đơn:** Anh **Lê Văn V**, sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/ **Bị đơn:** Chị **Đặng Tuyết X**, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: 37/10, đường L, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn V trình bày:

Anh và chị Đặng Tuyết X tổ chức đám cưới năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang năm 2005, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong tiền bạc, chị X gây nhiều nợ, anh nhiều lần khuyên can không được, chị X bỏ nhà đi từ tháng 7 năm 2017, chị X bỏ nhà đi luôn cho đến nay. Từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Đặng Tuyết X.

Con chung: Có 01 cháu Lê Đặng Ngọc N sinh ngày 30/10/2003, khi ly hôn anh V yêu cầu trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Có căn nhà, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Nợ chung: Không có.

Chị Đặng Tuyết X đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị X không đến tham gia các phiên họp

kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến để Tòa án xem xét.

Dại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của pháp luật như tiến hành xác minh, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa tuân thủ đúng qui định pháp luật.

Về nội dung: Nhận định nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn V; Con chung giao cho anh V trực tiếp nuôi cháu Lê Đặng Ngọc N sinh ngày 30/10/2003, chị X không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung có căn nhà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa anh Lê Văn V và chị Đặng Tuyết Xuân là tranh chấp “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa anh Lê Văn V yêu cầu ly hôn với chị Đặng Tuyết X; con chung có 01 cháu Lê Đặng Ngọc N, sinh ngày 30/10/2003, khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi con, anh không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung có căn nhà nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

[3] Tại phiên tòa chị Đặng Tuyết X đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị X không đến tham dự phiên tòa trình bày ý kiến để Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đặng Tuyết X.

Xét các yêu cầu của các đương sự:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Văn V và chị Đặng Tuyết X chung sống với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang năm 2005, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống về tiền bạc, chị X gây nợ nần, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau chị X bỏ nhà đi từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy anh Lê Văn V và chị Đặng Tuyết X chung sống hạnh phúc đến năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn do chị X gây nợ nhiều, từ đó anh chị thường xuyên cự cãi nhau, chị X bỏ nhà đi từ tháng 7/2017 đến nay anh V không liên lạc, hai anh chị không tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị X bỏ nhà đi làm cho tình cảm vợ chồng không còn và ngày càng gay gắt trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị X được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị X không đến tham dự phiên tòa để trình bày ý kiến để Hội đồng xét xử xem xét như vậy coi như chị X từ bỏ ý kiến của mình. Do

đó anh V yêu cầu ly hôn với chị X là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn V.

[2] Về con chung: Có 01 cháu Lê Đặng Ngọc N sinh ngày 30/10/2003, hiện nay anh V đang nuôi con. Khi ly hôn anh V yêu cầu tiếp tục được nuôi con. Xét thấy cháu N từ nhỏ sống chung anh chị, nhưng từ ngày chị X bỏ nhà đi thì anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục lo cho cháu N ăn học chu đáo, hiện nay anh V có nghề nghiệp ổn định, chị X không có ở nhà nên điều kiện nuôi cháu N không đảm bảo cuộc sống hàng ngày cho cháu N. Do đó anh V yêu cầu trực tiếp nuôi cháu N là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh V yêu cầu trực tiếp nuôi cháu N.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V trực tiếp nuôi cháu N nhưng không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Có căn nhà nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh Lê Văn V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn V.

- Về hôn nhân: Anh Lê Văn V được ly hôn với chị Đặng Tuyết X.

- Về con chung: Giao cho anh Lê Văn V tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Lê Đặng Ngọc N sinh ngày 30/10/2003. Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị X có quyền đến trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung: Có căn nhà nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

2/ Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Lê Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh V đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai số 0012069 ngày 24/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3/ Anh Lê Văn V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Đặng Tuyết X có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
- (Đăng ký kết hôn năm 2005
phường M, TP M)
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Ngọc Hoa